TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 268/2022/DS-PT Ngày 09/11/2022 V/v Tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Minh Nguyệt**.

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**.

Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Trần Thu Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***: Ông **Nguyễn Tấn Bảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2022/TLPT-DS ngày 30/5/2022 về việc tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2022/DS-ST ngày 12/4/2022 của Toà án nhân dân thị xã G1, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 112/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2022, và Thông báo mở lại phiên tòa số: 13/TB-TA ngày 10 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Huỳnh Y**, sinh năm 1956 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Y: Luật sư Trần Thị Thảo V, sinh năm 1988 – Công ty Luật TNHH N chi nhánh C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông **Mai Văn P**, sinh năm 1958 (có mặt);

Bà **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1958 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 42/2 T, khu phố B, Phường B, thị xã G1, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông P và bà H:

- Luật sư Phạm Ngọc D, sinh năm 1972 – Văn phòng Luật sư P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt)

- Luật sư Nguyễn Trung N, sinh năm 1970 – Văn phòng Luật sư N, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1952 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Nguyễn Thị Tuyết H2, sinh năm 1954 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

4. *Người làm chứng*: Mai Duy Hưng, sinh năm 1990; Địa chỉ: 8/5 N, khu phố T, phường B, thị xã G1, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Mai Văn P và bà Nguyễn Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm;

**Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huỳnh Y trình bày*:

Xuất phát từ mối quan hệ bạn bè thân thiết nên bà cho ông P, bà H vay tiền nhiều lần, cụ thể:

Ngày 10 tháng 10 âm lịch năm 2016 tức ngày 09 tháng 11 năm 2016, vay 550.000.000 đồng;

Ngày 17 tháng 10 âm lịch năm 2016 tức ngày 18 tháng 11 năm 2016, vay 200.000.000 đồng;

Ngày 29 tháng 10 âm lịch năm 2016 tức ngày 28 tháng 11 năm 2016, vay 250.000.000 đồng.

Các lần vay đều có ghi biên nhận nhưng đến ngày 29 tháng 11(âm lịch) năm 2016 mới gộp thống nhất ghi thành 01 biên nhận là ông P, bà H vay của bà 1.000.000.000 đồng, lãi suất 02%/ tháng, trả lãi hàng tháng, thời hạn trả là 06 tháng.

Từ lúc vay đến nay, ông P bà H chưa trả lãi.

Do vợ chồng ông P, bà H vi phạm việc trả tiền nên ngày 04 tháng 12 (âm lịch) năm 2016 tức ngày 01 tháng 01 năm 2017, bà đến nhà ông P để yêu cầu trả nợ thì cả hai bên thống nhất cho ông P, bà H trả số tiền 1.000.000.000 đồng làm 05 lần cụ thể: Mỗi lần trả 200.000.000 đồng bắt đầu trả từ ngày 28 tháng 02 (âm lịch) năm 2017, cứ hai tháng trả 01 lần đến hạn cuối là ngày 28 tháng 10(âm lịch) năm 2017 tức ngày 15 tháng 12 năm 2017.

Qua Tết 02 tháng tức ngày 28 tháng 02 (âm lịch) năm 2017 trả 200.000.000 đồng; ngày 28 tháng 4 (âm lịch) năm 2017 trả 200.000.000 đồng; ngày 28 tháng 6 (âm lịch) năm 2017 trả 200.000.000 đồng; ngày 28 tháng 8 (âm lịch) năm 2017 trả 200.000.000 đồng; ngày 28 tháng 10 (âm lịch) năm 2017 trả 200.000.000 đồng;

Bà Y thừa nhận các giấy tờ sau đây của ông Nguyễn Trung N giao nộp cho

Tòa án gồm: Giấy viết tay ngày 04 tháng 7 năm 2017 của anh Mai Duy Hưng viết là buổi sáng cùng ngày ông P trả cho bà 100.000.000 đồng; biên nhận ngày 19 tháng 6 âm lịch năm 2017 bà Tuyết H1 giao cho bà 100.000.000 đồng; Giấy viết tay ngày 26 tháng 3 âm lịch năm 2018 bà có nhận của bà H 50.000.000 đồng. Đó là những tài liệu, chứng cứ thể hiện việc bà H đã trả cho bà tiền trong tổng số 720.000.000 đồng tiền vốn gốc.

Nay bà Y yêu cầu Tòa án buộc ông P, bà H có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vốn gốc 280.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 11 tháng 5 năm 2018 đến ngày xét xử với lãi suất 1.66%/ tháng thành tiền là 218.456.000 đồng. Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời.

**Tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Trung N là đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày*:

Thừa nhận ông P, bà H có vay của bà Y số tiền 1.000.000.000 đồng vào năm 2016, lãi suất 02%/ tháng như lời bà Y trình bày.

Do không có tiền để trả lãi hàng tháng nên ngày ông P, bà H xin bà Y trả vốn làm 05 lần và ngày 19 tháng 6 âm lịch năm 2017, trả được 720.000.000 đồng. Còn lại 280.000.000 đồng vốn gốc. Bà Y có ký tên vào giấy trả tiền 720.000.000 đồng này.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà Y, ông P và bà H không đồng ý trả bởi hết thời hiệu khởi kiện.

*Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 18/4/2022 của Toà án nhân dân Thị xã G1, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Buộc bà Nguyễn Ngọc H và ông Mai Văn P cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Huỳnh Y số tiền là 498.456.000 đồng (Bốn trăm chín mươi tám triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng) gồm:

- Vốn là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng);

- Tiền lãi là 218.456.000 đồng (Hai trăm mười tám triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng);

Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Huỳnh Y có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng bà Nguyễn Ngọc H và ông Mai Văn P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2021/QĐ-BPKCTT ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã G1, tỉnh Tiền Giang cho đến khi thi hành án xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 22/4/2022, bị đơn Mai Văn P và Nguyễn Ngọc H có đơn kháng cáo; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Huỳnh Y vì thời hiệu khởi kiện đã hết.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn trình bày yêu cầu kháng cáo là không đồng ý trả số tiền nợ 280.000.000 đồng và tiền lãi vì đã trả xong sau ngày 19/6/2017(âl); các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn có viết giấy cam kết ngày 04/12/2016(âl) trả tiền vay 1.000.000.000 đồng làm 05 lần, đến ngày 19/6/2017(âl) bị đơn đã trả 720.000.000 đồng, đối chiếu với cam kết ngày 04/12/2016(âl) là có căn cứ theo 04 kỳ trả nợ đã thỏa thuận; căn cứ chứng minh là giấy biên nhận trả nợ ngày 19/6/2017(âl) đã được thực hiện giám định chữ viết, chữ ký tên là của bà Y; Sau đó, bị đơn có tài liệu chứng minh đã trả 320.000.000 đồng, nguyên đơn thừa nhận số tiền này tại biên bản hòa giải ngày 22/01/2021. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không đồng ý trả số tiền 280.000.000 đồng do đã trả rồi, không phải do hết thời hiệu khởi kiện. Đồng thời, khiếu nại việc Tòa cấp sơ thẩm ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03 ngày 27/10/2021 theo Điều 127 Bộ luật Tố tụng dân sự là không có căn cứ.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vào năm 2020 nguyên đơn đã khởi kiện và lần khởi kiện này bị đơn đều thừa nhận còn nợ nguyên đơn 280.000.000 đồng và đều dùng biên nhận ngày 19/6/2017(âl) làm căn cứ cho rằng hết thời hiệu khởi kiện để không đồng ý trả nợ cho nguyên đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm lần 2, đại diện bị đơn cung cấp 04 biên nhận, trong đó có biên nhận ngày 26/3/2018(âl) nhưng vẫn thừa nhận nghĩa vụ của mình là còn nợ nguyên đơn 280.000.000 đồng. Đối với 03 biên nhận bị đơn nộp tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn thừa nhận, nhưng ngày 19/6/2017(âl) nguyên đơn chỉ nhận 100.000.000 đồng theo biên nhận mới viết cùng ngày. Biên nhận ngày 19/6/2017(âl) đã giám định thì không nhận 720.000.000 đồng, số tiền này được trả đến ngày 26/12/2019(âl). Từ lời thừa nhận của bị đơn còn nợ nguyên đơn 280.000.000 đồng tại cấp sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về nội dung:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở vì bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn 280.000.000 đồng, theo quy định Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

2. Căn cứ giấy cam kết về thỏa thuận thời gian trả nợ ngày 04/12/2016(âl), biên bản hòa giải ngày 22/01/2021, biên bản phiên tòa ngày 04/6/2021và ngày 12/4/2021 thì bị đơn đều thừa nhận còn nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vì vậy phải chịu tiền lãi đối với số tiền còn nợ 280.000.000 đồng.

3. Về thời hiệu khởi kiện: Trong biên bản hòa giải ngày 22/01/2021, bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn 280.000.000 đồng, căn cứ Điều 157, Điều 429 của Bộ luật dân sự thì vụ án vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

4. Về yêu cầu kháng cáo: Theo đơn kháng cáo, bị đơn không đồng ý trả nợ tiếp vì hết thời hiệu khởi kiện; tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn trình bày yêu cầu kháng cáo là không đồng ý trả nợ vì đã trả hết nợ, căn cứ Điều 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì phần yêu cầu kháng cáo thêm của bị đơn là không phù hợp.

Tuy nhiên, Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03 ngày 27/10/2021 của Tòa án cấp sơ thẩm ban hành là quyết định cá biệt làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng nên cần xem xét hủy bỏ.

Từ đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 12/4/2022 củ Tòa án nhân dân thị xã G1.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Mai Văn P và bà Nguyễn Ngọc H nộp trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện được thụ lý và xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập hợp lệ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Thị Tuyết H2 đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt; Xét thấy việc xét xử vụ án không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà H1 và bà H2; Bị đơn Nguyễn Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt họ.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện vụ án: Theo biên bản tự khai ngày 29/10/2021 của ông P và bà H (bút lục 12, 13, 14,15) cho rằng thời hiệu khởi kiện của bà Y đối với số tiền nợ đã hết, bà Y mất quyền khởi kiện, tức bị đơn đã có tranh chấp về thời hiệu, căn cứ Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự cần xem xét thời hiệu khởi kiện vụ án. Xét trong quá trình hai bên thực hiện giao dịch số tiền nợ vay 1.000.000.000 đồng, đến ngày 26 tháng 3(âl) năm 2018 do bị đơn có trả 50.000.000 đồng và bà Y viết giấy tay thừa nhận (bút lục 75), căn cứ Điều 429 của Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp hợp đồng vay tài sản được tính đến hết ngày 26/3/2021 âm lịch tức ngày 07/5/2021. Tuy nhiên, bà Y có khởi kiện bà H - ông P tranh chấp số tiền nợ vay theo hồ sơ thụ lý số 253/2020/TLST-DS ngày 25/12/2020 của Tòa án nhân dân thị xã G1 (Quyết định đình chỉ vụ án số 110/2021/QĐST-DS ngày 04/6/2021), tại biên bản hòa giải ngày 22/01/2021 ông P và bà H thừa nhận một phần nghĩa vụ đối với số tiền vay còn nợ; áp dụng quy định tại Điều 157 của Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện vụ án được bắt đầu lại, vì vậy ngày 24/6/2021 nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 1.000.000.000 đồng thì yêu cầu của nguyên đơn còn thời hiệu khởi kiện.

[3]. Về nội dung kháng cáo: Theo đơn kháng cáo ngày 22/4/2022 ông P và bà H yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Huỳnh Y là buộc bà H và ông P trả số tiền vốn 280.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử.

Theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/10/2022 của bà H và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn P trình bày: vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nêu trên, lý do bị đơn không đồng ý trả số tiền vay 280.000.000 đồng và tiền lãi là vì không còn nợ tiền bà Y. Đồng thời, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2021/QĐ-BPKCTT ngày 27/10/2021.

[3.1]. Xét giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn bắt đầu vào năm 2016, đến ngày 04/12/2016 (âm lịch, sau đây viết tắt là âl) hai bên viết giấy cam kết thỏa thuận thời gian trả hết số tiền nợ vay 1.000.000.000 đồng đến ngày 28/10/2017 (âl), tuy nhiên bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận. Căn cứ vào Kết luận giám định số 4558/KL-KHHS ngày 23/9/2022 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công an thì chữ viết nội dung " Có nhận Nguyên Uyến 19 - 6 – (âl sau) 2017" trên giấy viết tay ngày 19 tháng 6 năm 2017 âm lịch (bút lục 39) là do bà Nguyễn Thị Huỳnh Y viết ra. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Y khai nại, ngày 19/6/2017(âl) bà Y chỉ có nhận 100.000.000 đồng từ bà Tuyết H2 trả thay cho bà H, khi bà Y viết " Có nhận Nguyên Uyến 19 - 6 – (âl sau) 2017" thì phần nội dung trên không có dòng chữ " Đã trả: 720.000.000đ (Bảy trăm hai chục triệu)", bà Y cho rằng do bà H tự viết thêm vào sau đó. Với lời khai nại này, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã giải thích và tạm ngừng phiên tòa để bà Y thực hiện thủ tục yêu cầu giám định tuổi mực nhằm xác định dòng chữ " Đã trả: 720.000.000đ (Bảy trăm hai chục triệu)" viết sau hay cùng thời điểm bà Y viết, ký tên xác nhận. Tuy nhiên, ngày 27/10/2022 bà Y có đơn từ chối giám định, như vậy bà Y không có căn cứ chứng minh cho lời khai nại của mình nên không có cơ sở để chấp nhận. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ

vào giấy viết tay ngày 19 tháng 6 năm 2017(âl), xác định: vào ngày 19/6/2017 âm lịch, bà H và ông P đã trả cho bà Y số tiền nợ 720.000.000 đồng trong số tiền vay 1.000.000.000 đồng, nên còn nợ lại là 280.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2021 (bút lục 06), biên bản hòa giải ngày 29/10/2021 (bút lục 43) bà Y yêu cầu ông P – bà H trả 1.000.000.000 đồng tiền vốn vay, qua quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thay đổi chỉ yêu cầu ông P – bà H trả 280.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi, đều này thể hiện lời trình bày của bà Y về số tiền nợ là mâu thuẫn, và không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bà Y còn trình bày, vào ngày 19/6/2017(âl), khi bà viết dòng chữ " Có nhận Nguyên Uyến 19 - 6 – (âl sau) 2017" (bút lục 39) vào giấy thì là giấy trắng không có nội dung gì nên bà lo lắng, vì vậy bà viết thêm biên nhận riêng khác ghi "… 19 – 6 (sau) 2017 âl ngày hôm nay tôi nhận có (một trăm triệu đồng)" (bút lục 76), từ đó bà Y khai đến ngày 19/6/2017(âl) bà H, ông P trả nợ các lần được 400.000.000 đồng, còn sau ngày 19/6/2017(âl) bà H, ông P trả thêm 08 lần tổng cộng 320.000.000 đồng như ông P trình bày thì mới là 720.000.000 đồng. Lời trình bày trên của bà Y là không có căn cứ, bởi lẽ: Khi bà Y viết biên nhận riêng khác (là bút lục 76) thì bà Y phải thu hồi hoặc ghi vào nội dung hủy bỏ biên nhận trước (là bút lục 39), đồng thời bà Y đã tự từ bỏ quyền chứng minh cho ý kiến phản bác của mình là dòng chữ " Đã trả: 720.000.000đ (Bảy trăm hai chục triệu)" viết thêm vào sau khi bà viết " Có nhận Nguyên Uyến 19 - 6 – (âl sau) 2017".

[3.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn nộp bổ sung 03 giấy ghi nhận số tiền bà H trả cho bà Y, bà Y thừa nhận là chữ viết, chữ ký tên ghi họ tên là do Bà thực hiện, gồm: Ngày 20/3/2019(âl) trả 30.000.000 đồng, ngày 28/12/2019(âl) trả 40.000.000 đồng, và 01 giấy ghi ngày 13/9/2017(âl) có nội dung "Có nhận đủ tiền" là 100.000.000 đồng.

Đồng thời, bà Y thừa nhận: sau ngày 19/6/2017(âl) ông P – bà H có trả tiếp nợ, tổng cộng là 320.000.000đồng, cụ thể: Ngày 13/9/2017(âl) trả 100.000.000đồng, ngày 24/11/2017(âl) trả 100.000.000đồng, ngày 29/3/2018(âl) trả 50.000.000đồng, ngày 20/3/2019(âl) trả 30.000.000đồng, ngày 28/12/2019(âl) trả 40.000.000 đồng; Lời thừa nhận trên của bà Y phù hợp với các giấy nhận tiền do bị đơn cung cấp như trên và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án (bút lục 39, 44, 75, 102); từ đó đủ căn cứ để Hội đồng xét xử xác định: sau ngày 19/6/2017(âl) ông P – bà H có trả tiếp nợ cho bà Y tổng cộng là 320.000.000 đồng.

Như nhận định tại phần [3.1] đã xác định đến ngày 19/6/2017(âl) bà H, ông P còn nợ bà Y số tiền 280.000.000 đồng, nên số tiền trả sau 320.000.000 đồng được trừ vào số tiền 280.000.000 đồng. Như vậy, bà H - ông P không còn nợ tiền vay của bà Y. Đối với số tiền trả thừa là 40.000.000 đồng, do ông P – bà H không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Từ những những định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]. Về việc ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2021/QĐ-BPKCTT ngày 27/10/2021 và Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định số 02/2021/QĐ-SCBSQĐ ngày 02/11/2021 của Tòa án nhân dân thị xã G1 bằng hình thức "Cấm hoặc buộc thực hiện hành vi nhất định" không được quyền thực hiện hành vi chuyển dịch quyền tài sản là quyền sử dụng đất thửa 145, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.742,90m^2… cho bất kỳ ai khác… theo quy định tại Điều 127 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nhận thấy, theo đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của bà Y (bút lục 31) nêu mục đích nhằm tránh việc bà H, ông P tẩu tán tài sản trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, đối tượng áp dụng là quyền sử dụng đất không phải là tài sản đang tranh chấp, nên cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Điều 127 Bộ luật Tố tụng dân sự là không phù hợp với quy định của Điều 8 Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020. Trong trường hợp này, cấp sơ thẩm không giải thích cho bà Y biết để sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu cho phù hợp là sai sót. Mặc khác, Ủy ban nhân dân Phường 3, thị xã G1 xác nhận ông P – bà H đang sử dụng đất thửa 145 – tờ bản đồ 15 – diện tích còn lại 2742,90m^2 (bút lục 30), chưa có tài liệu nào xác định ông P – bà H được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên, nhưng Quyết định số 03/2021/QĐ-BPKCTT lại cấm ông P- bà H không được quyền chuyển dịch tài sản là quyền sử dụng đất là sai lầm, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P cung cấp "Thông báo" ngày 27/10/2022 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Tiền Giang (gọi tắt là Ngân hàng) thì quyền sử dụng đất thửa 145 – tờ bản đồ 15 – diện tích 2877m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CG CNQSDĐ: H11410V-P.3 do Ủy ban nhân dân thị xã G1 cấp ngày 18/11/2009 hiện là tài sản thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số 0282/VCB-KH/TC19 ngày 19/6/2019 giữa ông P, bà H và Ngân hàng. Từ những vi phạm của cấp sơ thẩm khi ban hành Quyết định số 03/2021/QĐ-BPKCTT và quyền sử dụng đất thửa 145 – tờ bản đồ 15 – diện tích 2877m^2 là tài sản thế chấp bảo đảm nghĩa vụ vay tiền của Ngân hàng thực hiện trước thời gian Tòa án sơ thẩm thụ lý vụ án, nên thuộc trường hợp không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020, do đó Quyết định số 03/2021/QĐ-BPKCTT ngày 27/10/2021 của Tòa án nhân dân thị xã G1 ban hành không phù hợp với quy định pháp luật và làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng nên bị hủy bỏ (Quyết định số 12/2022/QĐ-BPKCTT ngày 09/11/2022).

[5]. Về án phí: Bà Y được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát có phần phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử về việc cấp sơ thẩm ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Đối với ý kiến về lời khai bị đơn tại cấp sơ thẩm thừa nhận

còn nợ 280.000.000 đồng nên buộc bị đơn phải trả tiếp nợ; và việc bị đơn không đồng ý trả nợ do thời hiệu khởi kiện đã hết nhưng lại thay đổi cho rằng đã trả hết nợ là không phù hợp với quy định Điều 277 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nhận thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn có nộp bổ sung tài liệu chứng cứ mới, phù hợp với lời thừa nhận của nguyên đơn và kết luận giám định nên phải được xem xét đánh giá lại, như vậy mới đảm bảo tính khách quan khi giải quyết vụ án. Đồng thời, bị đơn thay đổi cho rằng yêu cầu của nguyên đơn "…đã hết thời hiệu khởi kiện" thành "…đã trả hết nợ", đây chỉ là thay đổi lý do không đồng ý trả số tiền 280.000.000 đồng cho nguyên đơn, nên không làm vượt quá yêu cầu kháng cáo nêu trong đơn kháng cáo ngày 22/4/2022 (bút lục 113), và không vi phạm quy định Điều 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

- Về ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 19 Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định tại chương VIII "Các biện pháp khẩn cấp tạm thời" của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử:

Chấp nhận kháng cáo của ông Mai Văn P và bà Nguyễn Ngọc H.

Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã G1, tỉnh Tiền Giang.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Huỳnh Y yêu cầu ông bà Mai Văn P, Nguyễn Ngọc H trả số tiền nợ là 280.000.000 đồng và tiền lãi.

2. Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2021/QĐ-BPKCTT ngày 27/10/2021 và Quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định số 02/2021/QĐ-SCBSQĐ ngày 02/11/2021 của Tòa án nhân dân thị xã G1, tỉnh Tiền Giang bị hủy bỏ.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Y được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 09 tháng 11 năm 2022).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã G1;
- THADS thị xã G1;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Minh Nguyệt